

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách các xã (Quảng Ninh, Quảng Nhân, Quảng Hải) cũ vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách xã Quảng Ninh sau khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 8614/BTC-KTĐP ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của địa phương về việc thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 663/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh hoặc của ngân sách cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư công; cấp phê duyệt đối với dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch đã được cấp huyện quyết định;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Ninh về Phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn năm 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 18/7/2024; Số 66/NQ-HĐND ngày 13/11/2024; Số 71/NQ-HĐND ngày 28/12/2024 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Ninh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 xã Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 06/57/2022 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Nhân về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của xã Quảng Nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của HĐND xã Quảng Hải về việc Phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2021; Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của HĐND xã Quảng Hải về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của xã Quảng Hải;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách các xã (Quảng Ninh, Quảng Nhân, Quảng Hải) cũ vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách xã Quảng Ninh sau khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp, với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025 xã Quảng Ninh (các dự án đã triển khai thực hiện), với số vốn 307.497 triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách cấp trên: 38.482 triệu đồng
- Nguồn vốn ngân sách xã: 269.015 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 01 và Phụ biểu 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025 xã Quảng Ninh (các dự án chưa triển khai thực hiện), với số vốn 110.850 triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách cấp trên: 21.517 triệu đồng
- Nguồn vốn ngân sách xã: 83.333 triệu đồng.

(Chi tiết Phụ biểu 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

UBND xã Quảng Ninh có trách nhiệm:

- Thông báo mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của ngân sách các xã (Quảng Ninh, Quảng Nhân, Quảng Hải) cũ vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách xã Quảng Ninh với các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện;

- Tiếp tục rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách các xã (Quảng Ninh, Quảng Nhân, Quảng Hải) cũ vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách xã Quảng Ninh để đảm bảo phù hợp với tiến độ thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách xã;

- Hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các đơn vị nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án do cấp xã quản lý để hoàn thành theo kế hoạch, lập hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công của các dự án theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Sở Tài chính (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Tài

Phụ lục: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA NGÂN SÁCH 03 XÃ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA NGÂN SÁCH XÃ QUẢNG NINH

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Nguồn vốn/xã	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn năm 2025 của 03 xã				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn năm 2025 vào ngân sách xã				Ghi chú
			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2024 do huyện quản lý đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	
			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (DM CT chuyển tiếp và đã triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (DM CT chưa triển khai thực hiện)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (DM CT chuyển tiếp và đã triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (DM CT chưa triển khai thực hiện)			
1	Xã Quảng Ninh	273	307.517	110.850	71.310		307.517	110.850	71.310		

Phụ biểu 01: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 TỪ NGÂN SÁCH 03 XÃ SANG NGÂN SÁCH XÃ QUẢNG NINH (SAU SẮP XẾP) ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐÃ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục	Dự kiến tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn GD 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số nguồn vốn	NS cấp trên	NS xã	Tổng số nguồn vốn	NS cấp trên	NS xã	
	TỔNG CỘNG	383.460	44.384	339.076	307.517	38.482	269.035	
A	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP GIAI ĐOẠN 2016-2020	125.877	8.402	117.475	49.934	2.500	47.434	
I	QUẢNG NINH (cũ)	39.548	5.902	33.645	12.002	0	12.002	
1	Đường GT liên thôn Ninh Thái đi Ninh Dụ	512	0	512	6		6	
2	Đường GT nội đồng tuyến Đồng tay thôn Ninh Dụ	553	0	553	6		6	
3	Trường Tiểu học xã Quảng Ninh HM: Phòng học đa năng	1.514	1.372	142	5		5	
4	Trường Mầm Non xã Quảng Ninh năm 2015. HM Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	3.424	0	3.424	43		43	
5	Nâng cấp sửa chữa trạm y tế	669	0	669	13		13	
6	Nâng cấp sân UBND xã. HM sân bê tông, bồn cây, bồn hoa và tường hoa ao	470	0	470	4		4	
7	Cải tạo công, tường rào, công sở xã Quảng Ninh. HM Cải tạo công sở UBND xã	660	0	660	3		3	
8	Đường GT phía trước công sở xã. HM Đường giao thông	617	0	617	2		2	

9	Trường Mầm Non xã Quảng Ninh. HM Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ	552	0	552	3		3
10	Trung tâm VH TT xã. HM: Sân, rãnh thoát nước + bồn hoa	844	0	844	1		1
11	Nâng cấp sân UBND xã. HM Nhà kho, nhà vệ sinh khu UB	301	0	301	45		45
12	Trung tâm VH TT xã Quảng Ninh. HM nhà hội trường VH đa năng	5.960	3.500	2.460	55		55
13	Chỉnh trang nâng cấp khu nhà bia tưởng niệm liệt sĩ xã	413	0	413	9		9
14	Xây dựng kênh mương nội đồng kênh số 3 Ninh Phạm	599	0	599	6		6
15	Xây dựng kênh mương nội đồng kênh số 4 Ninh Phạm	742	0	742	7		7
16	XD bãi tập kết rác thải thôn Ninh Phúc	885	0	885	23		23
17	XD kênh tưới trạm bơm đoạn 1 Ninh Dụ	342	0	342	5		5
18	XD kênh tưới trạm bơm đoạn 2 Ninh Dụ	471	0	471	5		5
19	Sửa chữa các trục đường liên xã	435	0	435	111		111
20	Nâng cấp trạm bơm Ninh Dụ và các tuyến kênh đầu mối	1.112	1.030	82	16		16
21	Tuyến mương trạm bơm (Bãi rác tạm thôn Ninh Thọ)	332	0	332	63		63
22	Vườn cổ tích	224	0	224	74		74
23	Cải tạo khuôn viên trường THCS	1.046	0	1.046	301		301
24	Cải tạo nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường THCS	957	0	957	207		207
25	Nhà hiệu bộ 02 tầng trường THCS	4.424	0	4.424	2.201		2.201
26	Nhà hiệu bộ 02 tầng trường TH	3.106	0	3.106	906		906
27	Nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ trường TH	837	0	837	337		337
28	Trường TH Quảng Ninh. HM: Cải tạo nhà lớp học 2T6P và 2T10P	1.180	0	1.180	1.180		1.180
29	Trường TH Quảng Ninh. HM: Công tường rào, khuôn viên, bể bơi	746	0	746	746		746
30	CT Cấp phối đường nội đồng. HM: Các tuyến đường thôn Ninh Phạm+ Ninh Phúc + Ước Thành	1.076	0	1.076	1.076		1.076

31	CT Cấp phối đường nội đồng. HM: Các tuyến đường thôn Ninh Dụ + Thọ Thái	999	0	999	999		999	
32	CT: Đường giao thông nông thôn xã Quảng Ninh. HM: Các tuyến đường giao thông thôn Ninh Phúc	1.209	0	1.209	1.209		1.209	
33	Hạ tầng kỹ thuật bãi rác thôn Thọ Thái	1.115	0	1.115	1.115		1.115	
34	Trường Mầm Non xã Q.Ninh. HM: Sửa chữa, cải tạo, nhà lớp học 2T6P; Nhà ăn, xây dựng mái vòm, mở rộng sân khấu, đổ bê tông trước cổng.	1.223	0	1.223	1.223		1.223	
II	QUẢNG NHÂN	51.400	0	51.400	15.361	0	15.361	0
1	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: San lấp và tường rào	936		936	35		35	
2	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	6.224		6.224	74		74	
3	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Nhà bếp 1 chiều và các hạng mục phụ trợ	2.285		2.285	225		225	
4	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học 5 phòng	1.131		1.131	113		113	
5	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Đường giao thông, vỉa hè, rãnh thoát nước	891		891	71		71	
6	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Cải tạo nhà hiệu bộ, nhà nhạc họa, khuôn viên, bể nước, cầu nổi, sân gia công	1.009		1.009	91		91	
7	Trường Tiểu học. HM: San lấp ao, cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ	888		888	129		129	
8	Trường tiểu học Quảng Nhân; HM: Nhà lớp học 2 tầng kết hợp nhà hiệu bộ	6.131		6.131	1.249		1.249	
9	Trường tiểu học Quảng Nhân; HM: San nền, tường rào, sân bê tông, sân khấu	1.144		1.144	274		274	
10	Trường tiểu học Quảng Nhân; HM: Sân lát gạch	1.109		1.109	1.109		1.109	
11	Trường tiểu học và THCS xã Quảng Nhân. Hạng mục: Cổng, tường rào, vỉa hè, bồn cây	802		802	802		802	

12	Mương dẫn trạm bơm thôn 4 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	590		590	90		90	
13	Mương tưới từ trạm bơm kênh Hùng Bình đi kênh B30	1.226		1.226	8		8	
14	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Quảng Nhân; HM: Tuyến kênh mương từ Cồn Diệc thôn 1 đi kênh Hùng Bình	787		787	168		168	
15	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Quảng Nhân; HM: Tuyến kênh mương từ Vĩnh Sinh thôn 2 đi kênh Hùng Bình	1.190		1.190	240		240	
16	Kiên cố hóa kênh từ đường liên thôn 6 đến kênh B30 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; HM: Kênh và CTTK đoạn từ K0+0,0-K0+467,09	1.180		1.180	201		201	
17	Kiên cố hóa tuyến kênh từ đập Hùng Bình đi đường liên thôn 6 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; HM: Kênh và CTTK đoạn từ K0+0,0-K0+191,41	597		597	149		149	
18	Đường giao thông và mương tiêu thôn 1 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Tuyến đường giao thông từ anh San đi anh Han và tuyến mương tiêu từ đường Ninh Nhân Hải đến Khua	998		998	235		235	
19	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Tuyến đường giao thông vào nhà văn hóa thôn 2.	1.140		1.140	190		190	
20	Rãnh thoát nước dọc đường khu dân cư thôn 2 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Rãnh thoát nước.	378		378	93		93	
21	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Tuyến đường giao thông vào nhà văn hóa thôn 3	1.356		1.356	411		411	
22	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Tuyến đường giao thông vào nhà văn hóa thôn 4	1.079		1.079	125		125	

23	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Tuyến đường giao thông vào nhà văn hóa thôn 5	802		802	107		107	
24	Đường giao thông Bái Cao thôn 5, xã Quảng Nhân. HM: Nền mặt đường và cống qua đường	490		490	73		73	
25	Đường giao thông bê tông vào nhà văn hóa thôn 6 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Nền mặt đường và cống	1.175		1.175	273		273	
26	Đường giao thông nông thôn xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Tuyến đường từ nhà ông Dung đến nhà ông Nhân thôn 6	657		657	416		416	
27	Đường giao thông bê tông vào nhà văn hóa thôn 6 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Rãnh thoát nước dọc đường	829		829	183		183	
28	Đường giao thông nông thôn xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Nền, mặt đường	677		677	113		113	
29	Đường giao thông và hệ thống thoát nước xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; HM: Tuyến đường và rãnh thoát nước từ thôn 3 đi thôn 4	4.027		4.027	2.321		2.321	
30	Đường giao thông nông thôn từ nhà văn hóa đi nhà anh Hoạt thôn 2 xã Quảng Nhân	1.260		1.260	1.260		1.260	
31	Đường giao thông nông thôn xóm 7 thôn 2 xã Quảng Nhân	934		934	934		934	
32	Đường GTNT đoạn từ ngõ Bà Đạo đến kênh B30 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	724		724	724		724	
33	Đường GTNT đoạn từ nhà ông Phát đến nhà ông Hiền xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	758		758	758		758	
34	Đường giao thông thôn 2 và thôn 3 xã Quảng Nhân	337		337	337		337	
35	Cầu qua kênh Hùng Bình thuộc thôn 2, thôn 3 xã Quảng Nhân	1.216		1.216	416		416	
36	Cầu qua kênh Hùng Bình thuộc thôn 6 xã Quảng Nhân	1.133		1.133	283		283	

37	Công sở xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà làm việc 1 tầng và hạng mục phụ trợ	2.238		2.238	730		730	
38	Công sở xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà vệ sinh và hạng mục phụ trợ	603		603	273		273	
39	Chỉnh trang nông thôn mới nâng cao xã Quảng Nhân. HM: Cải tạo khuôn viên trước ủy ban và mở rộng đoạn đường công làng thôn 5	470		470	77		77	
					0			
IV	QUẢNG HẢI	34.929	2.500	32.429	22.570	2.500	20.070	
1	Đường nhà văn hóa đi lũy kê	794		794	70		70	
2	Trường THCS Quảng Hải (Nhà Hiệu bộ 2 tầng)	3.812		3.812	1.697		1.697	
3	Trường TH Quảng Hải (San lấp, hàng rào, phá dỡ Nhà văn phòng và cải tạo phòng Y tế)	954		954	195		195	
4	Trường Tiểu học xã Quảng Hải(Sửa chữa cải tạo cổng tường rào, sân trường)	1.161		1.161	255		255	
5	Q Hải, Trường MN (HM: Khu mái tôn sân trường)	308		308	200		200	
6	Trường THCS xã Quảng Hải (HM: Cổng, tường rào, nhà b/vệ, nhà ăn và nhà xe)	1.486		1.486	1.130		1.130	
7	Hệ thống kênh mương xã Quảng Hải(Kênh tưới tiêu thôn Bào Tiến từ nhà Ông Nga Vân đi Sông Rào)	860		860	147		147	
8	Hệ thống kênh mương xã Quảng Hải(Tuyến mương dọc đường 4B từ Thôn 5 đi Thôn 6)	1.181		1.181	416		416	
9	Mở rộng tuyến đường 4 B đoạn đi qua Quảng hải(Tuyến đường từ tượng đài liệt sỹ đi thôn bồi nguyên)	850		850	189		189	
10	Cải tạo nâng cấp đường GT từ đường 4C đi sông rào xã Quảng hải(HM nền mặt đường rãnh thoát nước)	1.246		1.246	384		384	
11	Tuyến đường từ Trường Tiểu học đi thôn 7 xã Q Hải (HM: Nền, mặt đường, hệ thống t/nước)	3.550		3.550	3.243		3.243	
12	Cải tạo đường GT từ thôn 11 đi thôn 2 xã Quảng Hải			130	119		119	

		130					
13	BT GPMB thực hiện DA: Đường GT từ thôn 3 đi thôn 4 xã Q Hải	705		705	705		705
14	Cải tạo khuôn viên đài tưởng niệm liệt sỹ xã Quảng Hải	424		424	61		61
15	Công sở xã Quảng Hải (HM: Sửa chữa nhà công an)	122		122	65		65
16	Điện chiếu sáng khu dân cư thôn 1 xã Q Hải	154		154	115		115
17	Quy hoạch đất xen cư MB 96, 97/UB-TNMT xã Quảng Hải	55		55	55		55
18	Lập quy hoạch điểm xen cư xã Q Hải	22		22	21		21
19	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn xã Quảng Hải	3.046		3.046	446		446
20	Trường mầm non xã Quảng Hải (Khuôn viên và các hạng mục phụ trợ)	843		843	500		500
21	Trạm y tế xã Quảng Hải	309		309	309		309
22	Hội trường nhà văn hóa đa năng	4.061	2.500	1.561	4.061	2.500	1.561
23	Trường mầm non xã Quảng Hải. HM: Nhà bếp ăn 1 chiều	2.150		2.150	2.150		2.150
24	Trường tiểu học xã Quảng Hải. Hạng mục: Nhà bảo vệ, nhà xe, phá dỡ và di dời đường điện	520		520	520		520
25	Trường tiểu học xã Quảng Hải, Hạng mục: Hệ thống thoát nước, cấp nước chờ, trát lại hàng rào	560		560	560		560
26	Công viên cây xanh khu dân cư thôn 1 xã Quảng Hải. Hạng mục : San lấp khuôn viên, bồn cây , rãnh thoát nước , cổng tường rào, hệ thống điện	4.517		4.517	4.517		4.517
27	Mương khoa già	890		890	390		390
28	Cổng chào điện tử	220		220	51		51

B	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025	257.583	35.982	221.601	257.583	35.982	221.601	0
I	QUẢNG NINH (cũ)	61.689	14.433	47.255	61.689	14.433	47.255	
1	Mở rộng nâng cấp đường từ UBND xã đi trường THCS	4.280,30	-	4.280,30	4.280,30	-	4.280,30	
2	Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa thôn Ninh Phúc, xã Quảng Ninh	1.054,23		1.054,23	1.054,23		1.054,23	
3	CT Trường THCS Quảng Ninh. HM: Cải tạo nhà lớp học 1 tầng, cầu nối nhà hiệu bộ, nhà xe, khuôn viên và bổ sung trang thiết bị	1.997,25	1.500,00	497,25	1.997,25	1.500,00	497,25	
4	Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa thôn Ninh Dụ, xã Quảng Ninh	1.206,29	-	1.206,29	1.206,29	-	1.206,29	
5	CT Đường giao thông xã Quảng Ninh. HM: Tuyến đường bê tông từ đường Cung-Cầu Lý đi ông Lợi	979,65	-	979,65	979,65	-	979,65	
6	CT Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Quảng Ninh. HM: Tuyến mương khu đồng Mã Nhân	1.160,95		1.160,95	1.160,95		1.160,95	
7	CT Đường giao thông xã Quảng Ninh. HM: Tuyến đường bê tông đi đập Bà Na thôn Ninh Phúc	590,00	-	590,00	590,00	-	590,00	
8	Xây dựng nhà văn hóa thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh	2.298,81		2.298,81	2.298,81		2.298,81	
9	Xây dựng nhà văn hóa thôn Ninh Phạm, xã Quảng Ninh	2.143,83	-	2.143,83	2.143,83	-	2.143,83	
10	Công trình Cầu qua sông Định Ninh, xã Quảng Ninh	2.496,20	1.350,00	1.146,20	2.496,20	1.350,00	1.146,20	
11	CT Công sở UBND xã Quảng Ninh. HM: Xây dựng nhà ăn công an, lát gạch sân trước hội trường cũ, sửa chữa nhà làm việc, hội trường, nhà công an, nhà vệ sinh	1.160,63		1.160,63	1.160,63		1.160,63	
12	Tư vấn lập quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 KDC Ninh Phúc	33,89	25,00	8,89	33,89	25,00	8,89	
13	Tư vấn lập quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 KDC Ninh Ninh Dụ	39,27	30,00	9,27	39,27	30,00	9,27	
14	Tư vấn lập quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 KDC Ước Thành	31,66	24,00	7,66	31,66	24,00	7,66	

15	Đường giao thông xã Quảng Ninh. HM: Nâng cấp tuyến đường GTNT xóm Sau Trường, thôn Ninh Dụ	393,55		393,55	393,55		393,55	
16	Đường giao thông xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Nâng cấp tuyến đường GTNT xóm Đình, thôn Ninh Dụ	885,05		885,05	885,05		885,05	
17	Đường giao thông xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Nâng cấp tuyến đường GTNT xóm Cầu Đá, thôn Ninh Dụ	462,54		462,54	462,54		462,54	
18	Đường GT xã Quảng Ninh. HM: Các tuyến đường bê tông thôn Ninh Phạm	946,79		946,79	946,79		946,79	
19	Đường GT xã Quảng Ninh. HM: Các tuyến đường bê tông thôn Ước Thành	1.174,09		1.174,09	1.174,09		1.174,09	
20	Đường GT xã Quảng Ninh. HM: Các tuyến đường bê tông thôn Thọ Thái	1.181,15	-	1.181,15	1.181,15	-	1.181,15	
21	Sửa chữa, cải tạo trường Mầm Non Quảng Ninh	2.889,51	1.500,00	1.389,51	2.889,51	1.500,00	1.389,51	
22	Công trình: Chinh trang khu dân cư nông thôn xã Quảng Ninh Hạng mục: Tranh cổ động, bảng biểu, biển tên đường, biển chỉ dẫn, trồng cây, trồng hoa, quét sơn, vôi ve tường rào xây dựng NTM kiểu mẫu thôn Ninh Phúc	478,12	-	478,12	478,12	-	478,12	
23	Công trình: Chinh trang khu dân cư nông thôn xã Quảng Ninh Hạng mục: Tranh cổ động, bảng biểu, biển tên đường, biển chỉ dẫn, trồng cây, trồng hoa, quét sơn, vôi ve tường rào xây dựng NTM kiểu mẫu thôn Ninh Dụ	475,81	-	475,81	475,81	-	475,81	
24	Cải tạo mở rộng đường GT Ninh Dụ. HM: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	9.050,00	2.147,57	6.902,43	9.050,00	2.147,57	6.902,43	
25	Công trình trung tâm văn hóa thôn Ninh Phạm, xã Quảng Ninh. HM: Nhà vệ sinh, khuôn viên	400,00	-	400,00	400,00	-	400,00	
26	Công trình Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Quảng Ninh. HM: Tuyên mương Đồng Lãm	1.141,00		1.141,00	1.141,00		1.141,00	
27	Công trình: Giải phóng mặt đường xây dựng NTM. Hạng mục: Di dời cột điện, tường rào	670,00		670,00	670,00		670,00	

28	Công trình Đường GTNT xã Quảng Ninh. HM: Tuyến từ trạm bơm Ninh Dụ đi thôn Ninh Thọ (cũ)	6.260,00	3.819,74	2.440,26	6.260,00	3.819,74	2.440,26	
29	Nâng cấp Đài truyền thanh xã. HM: Máy phát, hệ thống dây, radio, mic, bộ tự động, loa	690,00	-	690,00	690,00	-	690,00	
30	Công trình Lập quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030	425,00	126,84	298,16	425,00	126,84	298,16	
31	Xây dựng tường rào, cổng ngõ, giải phóng MB đường Đức Ninh	2.200,00	1.620,00	580,00	2.200,00	1.620,00	580,00	
32	CT công sở xã. HM: Cải tạo nâng cấp khuôn viên, bổ sung thiết bị làm việc, phòng họp, tường rào, khuôn viên nhà bia	700,00		700,00	700,00		700,00	
33	CT Trung tâm VH thôn Ninh Dụ. HM: Phòng đọc+khu vệ sinh	500,00		500,00	500,00		500,00	
34	Cải tạo nhà văn hóa thôn Thọ Thái	1.160,00	600,00	560,00	1.160,00	600,00	560,00	
35	Đường GT Ninh Phạm. HM: Tuyến đường bê tông sau khu nghĩa trang + tuyến đầu cầu	670		670	670		670	
36	Đường GT Ước Thành. HM: Tuyến đường bê tông cạnh nhà văn hoá + tuyến đường bê tông giáp đất thị trấn	910		910	910		910	
37	Đường GT xã Quảng Ninh. HM: Tuyến ông Xô đi bà Hường	680		680	680		680	
38	Chỉnh trang NTM xã Quảng Ninh, HM: Biển tên đường, cắm tải trọng và sơn gờ giảm tốc, pano, bảng maket điện tử	1.150	250	900	1.150	250	900	
39	Sửa chữa NVH Phúc Thành (cũ) làm nhà trực dân quân; sản xuất lắp đặt dụng cụ thể thao tại khu TTVH xã và các thôn, bổ sung các thiết chế tại NVH(tranh cổ động, cờ, bảng nội quy, rèm sân khấu)	900		900	900		900	
40	Đường GT xã Quảng Ninh. HM: Tuyến Ước Thành đi Ninh Phúc	650		650	650		650	
41	Đường GT xã Quảng Ninh. HM: Tuyến ông Đoàn đi ông Thông	240	200	40	240	200	40	

42	Mở rộng, nâng cấp đường Ninh - Nhân - Hải xã Quảng Ninh. HM: hoàn trả tường rào công ngõ	1.600	-	1.600	1.600	-	1.600	
43	Mở rộng mặt đường tuyến đường giao thông Quảng Đức đi Quảng Ninh, đoạn qua địa phận xã Quảng Ninh	1.190	1.190	-	1.190	1.190	-	
44	Lập quy hoạch XD chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Ước Thành	70	50	20	70	50	20	
45	Cải tạo nhà làm việc 2 tầng; Nhà hội trường công sở xã Quảng Ninh	1.141		1.141	1.141		1.141	
46	Cải tạo, nâng cấp khu VHTT thôn Ước Thành	280		280,000	280		280,000	
47	Nâng cấp khuôn viên công sở xã	652		652	652		652	
		-						
II	QUẢNG NHÂN	57.016	12.407	44.609	57.016	12.407	44.609	0
1	Cải tạo công sở xã Quảng Nhân. HM: Cải tạo khuôn viên và các hạng mục phụ trợ	435	-	435	435	-	435	
2	Xây dựng ĐD 22 KV và TBA số 9: 250kVA-22/0,4kV xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	248	-	248	248	-	248	
3	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ thuộc Trường Mầm non, trường Tiểu học, trường THCS xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	1.053	-	1.053	1.053	-	1.053	
4	Đường mở rộng và kênh từ kênh B30 đến đường vào nhà văn hóa thôn 5 xã Quảng Nhân	2.901	-	2.901	2.901	-	2.901	
5	Đường bê tông đoạn từ ngõ anh Mến đi bà Sợi, anh Chung đi bà Nênh, cấp bổ sung lề đường từ nhà văn hoá đến ngõ anh Trung và hoàn thiện bổ sung kênh thoát nước đường vào nhà văn hoá thôn 6, nâng cấp khuôn viên, tường rào nhà văn hoá thôn 6, nâng cấp chỉnh trang tường rào đường trục chính thôn, xã Quảng Nhân	1.212	-	1.212	1.212	-	1.212	
6	Nâng cấp, sửa chữa công sở và nhà văn hóa các thôn xã Quảng Nhân	1.750	-	1.750	1.750	-	1.750	

7	Cải tạo, mở rộng đường giao thông từ bưu điện đến nhà bà Nga thôn 1 xã Quảng Nhân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nền mặt đường và công trình thoát nước	2.170	-	2.170	2.170	-	2.170	
8	Lập quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Nhân đến năm 2030	435	217	218	435	217	218	
9	Đường giao thông thôn 1 (Tuyến từ ngõ bà Hòa đến ngõ ông Hoạt và từ ngõ ông Tham đến đường Ninh Nhân Hải phía nam) xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	1.427	0	1427	1.427	-	1.427	
10	Đường giao thông nối đường Ninh - Nhân - Hải đến đường Xóm Thẳng đi đường Thanh Niên, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Nền, mặt đường	5.500	3.850	1.650	5.500	3.850	1.650	
11	Xây dựng ĐD 22 KV và TBA số 10: 250kVA-22/0,4kV xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	250	-	250	250	-	250	
12	Đường GTNT thôn 3 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; HM: tuyến đường ông Doan, ông Hiền, anh Hương, anh Thêm, anh Thuận	1.500	-	1.500	1.500	-	1.500	
13	Mương và đường mở rộng từ nhà ông Thái đi qua ruộng ông Nga thôn 4 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá	1.500	0	1.500	1.500	0	1.500	
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nhóm 7 thôn 2 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	3.500	-	3.500	3.500	-	3.500	
15	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 6, xã Quảng Nhân	2.000	-	2.000	2.000	-	2.000	
16	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông và mương thoát nước từ Bưu điện qua trường TH, THCS đi kênh B30	4.500	900	3.600	4.500	900	3.600	
17	Xây dựng nhà văn hoá thôn 1 xã Quảng Nhân	2.500	-	2.500	2.500	-	2.500	
18	Xây dựng nhà văn hoá thôn 4 xã Quảng Nhân	2.000	-	2.000	2.000	-	2.000	
19	Nâng cấp đường GTNT và chỉnh trang vỉa hè đường trục chính Nhà văn hóa thôn 5 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	2.200	440	1.760	2.200	440	1.760	

20	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đường tỉnh lộ 511 qua nhà văn hoá thôn 2 xã Quảng Nhân	4.000	-	4.000	4.000	-	4.000	
21	Trường Mầm Non xã Quảng Nhân	12.000	7.000	5.000	12.000	7.000	5.000	
22	Sửa chữa nâng cấp dải phân cách trước công sở, xây tường rào chỉnh trang đường giao thông, xã Quảng Nhân	300	-	300	300	-	300	
23	Di chuyển trạm hạ thế trước trường Mầm non	350	-	350	350	-	350	
24	Trường Mầm non xã Quảng Nhân. HM: Đầu tư, cải tạo khu nhà cấp 4, khu bếp ăn, khuôn viên, công, vỉa hè, tường rào, nhà bảo vệ, nhà xe, tháo dỡ công trình cũ, mua sắm trang thiết bị...	3.000	-	3.000	3.000	-	3.000	
25	Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương đến năm 2030	250	-	250	250	-	250	
26	Gói tư vấn xác định giá đất cụ thể phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đường giao thông nối đường Ninh-Nhân-Hải đến đường Xóm Thắng đi đường Thanh niên, huyện Quảng Xương	35	-	35	35	-	35	
IV	QUẢNG HẢI	138.878	9.142	129.736	138.878	9.142	129.736	
1	Mương cấp 1 từ trạm bơm đi đường Nhân Ninh Hải xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Tuyến từ nhà văn hóa thôn Bồi Nguyên đến đường 4B	300	-	300	300	-	300	
2	Xây dựng nhà làm việc cho ban giám hiệu, cải tạo sửa chữa trường mầm non và sửa chữa lớp học tình thương	480	-	480	480	-	480	
3	Nâng cấp trường tiểu học xã Quảng Hải, Huyện Quảng Xương HM : khu nhà A, nhà B, nhà C	1.200	-	1.200	1.200	-	1.200	
4	Mương thoát nước mặt đường từ nhà văn hóa thôn 8 đi sông Rào xã Quảng Hải	1.200	-	1.200	1.200	-	1.200	
5	Mương thoát nước mặt đường 4C nhà văn hóa thôn 10 đi Sông Rào	900	-	900	900	-	900	
6	Đường giao thông thôn 10 xã Quảng Hải	1.200	91	1.109	1.200	91	1.109	
7	Đường giao thông thôn Đai đi Quảng Giao	540	-	540	540	-	540	

8	Công trình kênh mương tưới tiêu nội đồng từ N-N-H đi hàn sùng nhà văn hóa thôn Đai HM : tuyến 4 đi tuyến 7	1.195	-	1.195	1.195	-	1.195
9	Mương cấp 1 đường Ninh Nhân Hải; HM: Tuyến mương chính và các công trình trên mương	1.112	-	1.112	1.112	-	1.112
10	Công trình bồn hoa từ chợ Đai đi ra thôn 9 và khu vực các nhà trường xã Quảng Hải	998	-	998	998	-	998
11	Công trình kênh mương tưới tiêu nội đồng từ N-N-H đi hàn sùng nhà văn hóa thôn Đai HM : tuyến 1 đi tuyến 3	1.170	-	1.170	1.170	-	1.170
12	Trường Mầm non xã Quảng Hải; HM: Công viên, công tường rào và cải tạo nhà A, nhà B	950	-	950	950	-	950
13	Trường tiểu học xã Quảng Hải, HM: Nhà hiệu bộ 2 tầng	2.350	1.000	1.350	2.350	1.000	1.350
14	Đường giao thông nông thôn thôn Đai xã Quảng Hải	2.200	-	2.200	2.200	-	2.200
15	Xây dựng sân văn hóa, sân khấu, mương thoát nước xã Quảng Hải	869	-	869	869	-	869
16	Mương từ trạm bơm đi Ninh - Nhân - Hải	1.077	-	1.077	1.077	-	1.077
17	Đường giao thông từ thôn 3 đi thôn 4 xã Quảng Hải; Hạng mục: nền mặt đường và công ngang đường	3.332	100	3.232	3.332	100	3.232
18	Công trình chỉnh trang NTN xã Quảng Hải HM: sửa chữa công sở dọn vệ sinh các tuyến đường	454	-	454	454	-	454
19	Đường 4B đi thôn bồi nguyên	850	-	850	850	-	850
20	Hỗ trợ đường giao thông liên da	170	-	170	170	-	170
21	Sửa chữa tuyến mương trường mầm non	25	-	25	25	-	25
22	Cầu qua trạm bơm số 2	552	-	552	552	-	552
23	Trường tiểu học HM : nhà vệ sinh và tường rào	395	-	395	395	-	395
24	Mương cấp 1 từ trạm bơm đến đường Ninh - Nhân - Hải	200	-	200	200	-	200
25	Nhà văn hóa thôn 1 xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương	6.464	720	5.744	6.464	720	5.744
26	Nâng cấp khuôn viên tường rào, sân công sở	3.800	-	3.800	3.800	-	3.800
27	Xây dựng kênh mương thôn 8 và thôn 10	2.500	-	2.500	2.500	-	2.500
28	Xây dựng tuyến đường từ trường tiểu học đi thôn 7	3.260	-	3.260	3.260	-	3.260
29	Đường + mương đường đình Đai đi cầu chuỗi	8.000	-	8.000	8.000	-	8.000
30	Nhà làm việc công sở	4.772	-	4.772	4.772	-	4.772

31	Xây dựng trường tiểu học xã Quảng Hải HM : 9 phòng 3 tầng	7.400	1.500	5.900	7.400	1.500	5.900	
32	quy hoạch đất giai đoạn 2021-2030	350	-	350	350	-	350	
33	Nâng cấp tuyến đường từ nhà a chuyên và từ nhà ông tất đến đường kiểm lâm thôn bào tiến	1.240	-	1.240	1.240	-	1.240	
34	Xây dựng nâng cấp đài truyền thanh kỹ thuật số	550	-	550	550	-	550	
35	Xây dựng mương tưới tiêu trạm bơm số 2 đi thôn Tân Đại	976	-	976	976	-	976	
36	Nâng cấp bể chứa nước trạm bơm số 1 + 70m kênh mương và xây dựng mới kênh mương từ nhà a hòa han đến nhà a kiên nga	950	-	950	950	-	950	
37	Xây dựng đường giao thông từ cống cao thôn Bồi Nguyên đến cầu thôn 8	4.800	-	4.800	4.800	-	4.800	
38	Xây dựng kênh mương từ cống cao đến gia đình ông may thôn bồi nguyên	1.310	-	1.310	1.310	-	1.310	
39	XD bồn hoa tuyến đường nhựa thôn bào tiến đi thôn 9 và dọc 3 nhà trường	750	-	750	750	-	750	
40	XD tuyến đường nhựa từ nhà anh phúc hiền đến nhà ông lâm dụng	3.800	-	3.800	3.800	-	3.800	
41	Xd đường giao thông, tuyến UBND xã di trường tiểu học và tuyến đường ven biển đi đường 4C thôn 8, thôn 10 xã Quảng Hải	2.417	-	2.417	2.417	-	2.417	
42	XD kênh mương từ rọc cây thị đến đồng rào	1.300	-	1.300	1.300	-	1.300	
43	Cải tạo hệ thống kênh mương xã Quảng Hải, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hóa HM : tuyến 1 : Đoạn từ trường mầm non đi thôn 9, tuyến 2 : nhà anh ninh tuân thôn 2, tuyến 3 ngã 3 Ninh Nhân Hải	1.183	-	1.183	1.183	-	1.183	
44	Xây dựng nhà hiệu bộ trường mầm non	5.508	-	5.508	5.508	-	5.508	
45	Xây dựng trường mầm non HM nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	14.788	1.000	13.788	14.788	1.000	13.788	
46	XD mương tiêu nước thôn 10	2.300	-	2.300	2.300	-	2.300	

47	XD mương tiêu nước thôn 8,9	2.350	-	2.350	2.350	-	2.350	
48	Xây dựng đường dây điện 0,4kv cấp điện tưới tiêu nước ruộng rau xã Quảng Hải	1.181	-	1.181	1.181	-	1.181	
49	Trường THCS xã Quảng Hải HM : Xây dựng khuôn viên , rãnh thoát nước, sửa chữa một số hạng mục nhà lớp học xuống cấp	3.432	1.500	1.932	3.432	1.500	1.932	
50	Trường THCS xã Quảng Hải HM : sửa chữa một số lớp học bị hư hỏng , xuống cấp và mua sắm thiết bị	2.086	-	2.086	2.086	-	2.086	
51	Mương tiêu nước nghề Yên Nam	450	-	450	450	-	450	
52	Đường và mương thoát nước thôn Bồi Nguyên	4.420	-	4.420	4.420	-	4.420	
53	Xây dựng công trình:Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa 8 thôn xã Quảng Hải	420	-	420	420	-	420	
54	Về quyết định điều chỉnh chủ trương kế hoạch đầu tư xây dựng công trình theo Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND ngày 16/5/2021 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Hải.Hạng mục: Hỗ trợ xây dựng đường giao thông liên gia (Hỗ trợ 40% kinh phí xây lắp) trên địa bàn xã Quảng Hải	1.176	-	1.176	1.176	-	1.176	
55	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đại xã Quảng Hải: Hạng mục: Xây dựng nhà văn hóa và san lấp mặt bằng	3.000	-	3.000	3.000	-	3.000	
56	Nhà điều trị, cổng và khuôn viên Trạm y tế xã Quảng Hải	6.500	2475	4.025	6.500	2475	4.025	
57	Đường và mương thoát nước từ Công cao thôn Bồi Nguyên đến đường Ninh - Nhân - Hải thôn Bào Tiên xã Quảng Hải	3.580	409	3.171	3.580	409	3.171	
58	Công sở UBND xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà bếp công sở, nhà vệ sinh và công trình phụ trợ	1.080	-	1.080	1.080	-	1.080	
59	Xây mới nhà bảo vệ, tường rào phía trước và đổ bê tông sân trường Mâm non xã Quảng Hải	1.050	-	1.050	1.050	-	1.050	
60	Đường giao thông thôn 8 xã Quảng Hải	1.020	-	1.020	1.020	-	1.020	
61	Mương thoát nước, cổng qua đường trường THCS xã Quảng Hải	650	-	650	650	-	650	

62	Xây mới nhà văn hóa thôn Đai, xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Công, tường rào, công bản qua đường, sân bê tông, sân lát gạch	1.200	-	1.200	1.200	-	1.200	
63	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường trên địa bàn thôn Đai, xã Quảng Hải	2.050	100	1.950	2.050	100	1.950	
64	Biển chỉ dẫn tên đường, ngõ ngách, số nhà trên địa bàn xã Quảng Hải	850	-	850	850	-	850	
65	Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng CNTT và Hợp nhất trang thông tin điện tử xã Quảng Hải	247	247	0	247	247	0	

Phụ biểu 02: ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỪ NGÂN SÁCH 03 XÃ SANG NGÂN SÁCH XÃ QUẢNG NINH (SAU SẮP XẾP) ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN CHƯA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn GD 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số nguồn vốn	NS cấp trên	NS xã	Tổng số nguồn vốn	NS cấp trên	NS xã	
	TỔNG CỘNG	110.850	27.517	83.333	110.850	27.517	83.333	
A	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP GIAI ĐOẠN 2016-2020	0	0	0	0	0	0	
B	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025	110.850	27.517	83.333	110.850	27.517	83.333	
I	QUẢNG NINH (cũ)	36.450	7.317	29.133	36.450	7.317	29.133	
1	Công trình: Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương. HM: Tuyến mương từ Đập Đầu Cầu về Trạm bơm Ninh Dụ.	2.700	800	1.900	2.700	800	1.900	Chưa có NQ chủ trương

2	Công trình: Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương. HM: Tuyến mương từ đường Cung- Cầu Lý đi Ông Lợi	1.200		1.200	1.200		1.200	Chưa có NQ chủ trương
3	Công trình: Xây dựng mương tiêu sau khu dân cư dọc quốc lộ 1A	3.000		3.000	3.000		3.000	Chưa có NQ chủ trương
4	Công trình: Công sở xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương; HM: Nhà làm việc của cán bộ, công chức xã (Vốn đối ứng 8 tỷ)	12.896	6.517	6.379	12.896	6.517	6.379	Chưa có NQ chủ trương
5	Công trình: Mở rộng, nâng cấp đường Cung – Cầu Lý; Hạng mục: Tường rào, cống ngõ, đường điện	2.000		2.000	2.000		2.000	Chưa có NQ chủ trương
6	Xây mới trạm y tế xã	5.500		5.500	5.500		5.500	Chưa có NQ chủ trương
7	Xây dựng nhà thờ mẹ VNAH và các liệt sĩ	4.500		4.500	4.500		4.500	Chưa có NQ chủ trương
8	Xây dựng nhà văn hóa thôn thọ Thái	3.000		3.000	3.000		3.000	Chưa có NQ chủ trương
9	Công trình: Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương. HM: Tuyến mương từ Q.Nhân đi đồng Bái Trại thôn Ninh Phạm 900m	1.654		1.654	1.654		1.654	Chưa có NQ chủ trương
		-						
II	QUẢNG NHÂN	37.900	20.200	17.700	37.900	20.200	17.700	
1	Công sở xã Quảng Nhân. Hạng mục: Nhà làm việc, hội trường	16.450	12.000	4.450	16.450	12.000	4.450	Chưa có NQ chủ trương

2	Cải tạo nâng cấp đường GT và hệ thống thoát nước dọc đường vào nhà văn hoá thôn 6	2.500	700	1.800	2.500	700	1.800	Chưa có NQ chủ trương
3	Nâng cấp cải tạo nhà văn hoá thôn 2 xã Quảng Nhân. HM: Cải tạo khuôn viên, tường rào	1.200	-	1.200	1.200	-	1.200	Chưa có NQ chủ trương
4	Nâng cấp cải tạo nhà văn hoá thôn 3 xã Quảng Nhân. HM: Cải tạo khuôn viên, tường rào	1.200	-	1.200	1.200	-	1.200	Chưa có NQ chủ trương
5	Trường THCS xã Quảng Nhân. HM: Nhà lớp học, nhà hiệu bộ, khuôn viên	11.000	7.500	3.500	11.000	7.500	3.500	Chưa có NQ chủ trương
6	Đường giao thông từ đường Ninh Nhân Hải đi trường THCS xã Quảng Nhân	600	-	600	600	-	600	Chưa có NQ chủ trương
7	Đường giao thông từ đường Ninh Nhân Hải qua ông Biện thôn 3	700	-	700	700	-	700	Chưa có NQ chủ trương
8	Đối ứng GPMB đường Ninh Nhân Hải phía Nam	2.000	-	2.000	2.000	-	2.000	Chưa có NQ chủ trương
9	Đường giao thông nông thôn từ nhà bà Danh đi Bái Lạnh thôn 3	700	-	700	700	-	700	Chưa có NQ chủ trương
10	Đường giao thông nông thôn tuyến Bờ Mí thôn 6	700	-	700	700	-	700	Chưa có NQ chủ trương
11	Trạm điện thôn 2	300	-	300	300	-	300	Chưa có NQ chủ trương

12	Nâng cấp sửa chữa tượng đài Liệt sĩ; Sửa chữa chính trang khu công sở xã Quảng Nhân	550	-	550	550	-	550	Chưa có NQ chủ trương
IV	QUẢNG HẢI	36.500	0	36.500	36.500	0	36.500	
1	XD kênh mương tưới tiêu nội đồng từ đường NNH đi Hàn Sùng	2.450	-	2.450	2.450	-	2.450	Chưa có NQ chủ trương
2	sửa chữa cải tạo 8 nhà văn hóa thôn	420	-	420	420	-	420	Chưa có NQ chủ trương
3	Xây dựng tuyến đường nhựa từ đường 4B qua Đền An Đông đi rọc tây + chằm vá đường nhựa từ chợ Đai đến cầu thôn 9 xã Quảng Hải	1.500	-	1.500	1.500	-	1.500	Chưa có NQ chủ trương
4	Xây dựng kênh mương từ trạm bơm số 2 đến đường 4A và mương từ rọc Nàn – nghĩa địa làng Đai đến đường kiểm lâm xã Quảng Hải	8.500	-	8.500	8.500	-	8.500	Chưa có NQ chủ trương
5	Xây dựng kênh mương từ nhà anh Sáng thôn Đai đi Công quan thôn 2 - Xã Quảng Hải	1.500	-	1.500	1.500	-	1.500	Chưa có NQ chủ trương
6	Xây dựng đường nhựa từ đường 4B đi đường 4A Thôn Bồi nguyên xã Quảng Hải	6.200	-	6.200	6.200	-	6.200	Chưa có NQ chủ trương
7	Xây dựng cầu sông rào thôn 9, xã Quảng Hải	2.070	-	2.070	2.070	-	2.070	Chưa có NQ chủ trương
8	Xây dựng nhà văn hóa thôn Bồi Nguyên xã Quảng Hải	3.800	-	3.800	3.800	-	3.800	Chưa có NQ chủ trương
9	Xây dựng nhà văn hóa thôn Bào tiến, xã Quảng Hải;	3.000	-	3.000	3.000	-	3.000	Chưa có NQ chủ trương

10	Hỗ trợ kinh phí cho 3 thôn xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022	900	-	900	900	-	900	Chưa có NQ chủ trương
11	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa Đền An đông xã Quảng Hải	4.000	-	4.000	4.000	-	4.000	Chưa có NQ chủ trương
12	Nâng cấp nhà văn hoá đa năng xã Quảng Hải.	960	-	960	960	-	960	Chưa có NQ chủ trương
13	Mương tưới tiêu thôn 2 và thôn Đại xã Quảng Hải	1.200	-	1.200	1.200	-	1.200	Chưa có NQ chủ trương